

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-24
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-24

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26 tháng 05 năm 1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14 tháng 10 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Bá Việt	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tư	Ủy viên
Ông Bùi Hồng Sơn	Ủy viên
Ông Đặng Trần Lương	Ủy viên
Ông Trần Văn Sơn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Bá Việt	Giám đốc
Ông Bùi Hồng Sơn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Văn Chương	Trưởng ban
Bà Thái Thị Hồng Loan	Thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Ngô Bá Việt

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2011

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức được lập ngày 16 tháng 02 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Trần Quang Mậu
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		59.725.262.806	104.600.307.249
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.451.419.776	5.622.366.042
111	1. Tiền		4.451.419.776	5.622.366.042
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		29.358.747.285	55.997.634.003
131	1. Phải thu của khách hàng		28.645.183.334	31.755.419.556
132	2. Trả trước cho người bán		2.541.427.134	26.147.604.858
135	5. Các khoản phải thu khác		93.575.064	92.400.350
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.921.438.247)	(1.997.790.761)
140	IV. Hàng tồn kho	4	23.877.937.852	41.175.541.392
141	1. Hàng tồn kho		23.877.937.852	41.175.541.392
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.037.157.893	1.804.765.812
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.019.282.766	1.665.180.246
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5	17.875.127	139.585.566
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		53.555.355.300	24.221.754.828
220	II. Tài sản cố định		49.652.304.513	24.219.754.828
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	47.794.104.453	9.251.353.807
222	- Nguyên giá		85.537.069.648	41.205.551.356
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.742.965.195)	(31.954.197.549)
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		267.135.000	267.135.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(267.135.000)	(267.135.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	1.858.200.060	14.968.401.021
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	2.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	2.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.903.050.787	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	3.903.050.787	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		113.280.618.106	128.822.062.077

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		62.680.412.343	85.872.961.509
310	I. Nợ ngắn hạn		45.020.508.395	66.412.883.721
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	9	21.503.957.041	12.876.431.432
312	2. Phải trả người bán		20.195.028.189	44.023.689.333
313	3. Người mua trả tiền trước		188.220.033	121.820.740
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	289.646.911	4.965.284.425
315	5. Phải trả người lao động		2.357.929.101	3.949.514.078
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	11	299.758.657	376.832.250
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		185.968.463	99.311.463
330	II. Nợ dài hạn		17.659.903.948	19.460.077.788
334	4. Vay và nợ dài hạn	12	17.659.903.948	19.301.606.148
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	158.471.640
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		50.600.205.763	42.949.100.568
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	50.600.205.763	42.949.100.568
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		42.499.010.000	27.422.700.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		683.890.000	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(1.495.717.407)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	2.149.000.396
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.615.000.000	1.715.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.802.305.763	13.158.117.579
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		113.280.618.106	128.822.062.077

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
1. Tài sản thuê ngoài		22.171.000	22.171.000
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		4.934,87	237,54
- Đồng Euro (EUR)		763,51	762,72

Hoàng Xuân Thành

Kế toán trưởng

Ngô Bá Việt

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	195.400.212.785	235.218.174.558
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15	1.880.373.160	2.331.396.281
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	193.519.839.625	232.886.778.277
11	4. Giá vốn hàng bán	17	173.307.989.286	192.845.620.780
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.211.850.339	40.041.157.497
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	61.828.013	223.629.913
22	7. Chi phí tài chính	19	4.498.813.985	1.206.960.104
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		4.498.813.985	1.206.960.104
24	8. Chi phí bán hàng	20	5.012.079.546	5.667.756.024
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.678.847.720	5.170.611.616
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		6.083.937.101	28.219.459.666
31	11. Thu nhập khác		174.859.995	79.917.747
40	13. Lợi nhuận khác		174.859.995	79.917.747
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.258.797.096	28.299.377.413
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	1.564.699.274	4.952.391.047
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.694.097.822	23.346.986.366
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	1.138	9.569

Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng

Ngô Bá Việt
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		204.826.540.224	235.317.428.500
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(146.108.565.933)	(198.631.160.159)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(14.535.281.600)	(17.433.036.900)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(4.528.813.985)	(1.206.960.104)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.239.891.047)	(2.202.745.750)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		246.626.085	121.855.547
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.180.546.472)	(10.344.631.471)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		27.480.067.272	5.620.749.663
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(35.441.780.216)	(15.934.781.973)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		21.818.182	40.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		61.828.013	165.109.913
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(35.356.134.021)	(15.731.672.060)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.051.670.000	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		57.412.591.560	85.594.822.445
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(52.759.141.077)	(60.305.613.077)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(11.323.905.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		6.705.120.483	13.965.304.368
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.170.946.266)	3.854.381.971

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.622.366.042	1.767.984.071
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	4.451.419.776	5.622.366.042

Hoàng Xuân Thành
Kế toán trưởng

Ngô Bá Việt
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức tiền thân là Nhà máy Que hàn điện Việt Đức, được thành lập theo Quyết định số 316/QĐTCNSD ngày 26 tháng 05 năm 1993 của Bộ Công nghiệp nặng và được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 166/2003/QĐ-BCN ngày 14 tháng 10 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (ngay là Bộ Công thương).

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 42.499.010.000 VND. Tương đương 4.249.901 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu hàn (que hàn điện, dây hàn);
- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu để sản xuất vật liệu hàn;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	10 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCXã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	324.302.713	815.998.227
Tiền gửi ngân hàng	4.127.117.063	4.806.367.815
	<u>4.451.419.776</u>	<u>5.622.366.042</u>

4 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.716.432.115	34.682.189.438
Công cụ, dụng cụ	425.232.930	442.736.588
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	481.308.000	874.748.000
Thành phẩm	4.971.844.546	5.025.159.589
Hàng hoá	283.120.261	150.707.777
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>23.877.937.852</u>	<u>41.175.541.392</u>

5 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	17.875.127	23.053.606
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	116.531.960
	<u>17.875.127</u>	<u>139.585.566</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

6 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCXã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

7 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.858.200.060	14.968.401.021
- Các hạng mục Dự án Nhà máy sản xuất dây hàn 6.000 tấn/năm	1.858.200.060	14.968.401.021
	<u>1.858.200.060</u>	<u>14.968.401.021</u>

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp	3.903.050.787	-
	<u>3.903.050.787</u>	<u>-</u>

9 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	17.183.957.041	8.676.431.432
- Vay ngân hàng	16.783.957.041	8.676.431.432
- Vay cá nhân	400.000.000	-
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	4.320.000.000	4.200.000.000
	<u>21.503.957.041</u>	<u>12.876.431.432</u>

Chi tiết vay ngắn hạn

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽¹⁾	11.321.715.515	8.676.431.432
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽²⁾	3.129.868.600	-
Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam ⁽³⁾	2.332.372.926	-
Vay cán bộ công nhân viên ⁽⁴⁾	400.000.000	-
	<u>17.183.957.041</u>	<u>8.676.431.432</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

- (1) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2010/HĐTD ngày 31/03/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 24,5 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ 31/03/2010; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 12%/năm, đối các giấy nhận nợ phát sinh mới được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo, thực hiện biện pháp đảm bảo bổ sung nếu sử dụng vốn vay không đúng mục đích vay.
- (2) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn theo món số 01/2010/HĐ ngày 13/10/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay: 3.129.869.600 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu;
 - + Lãi suất cho vay: 13%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp, số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh, các khoản phải thu mà bên vay là người thụ hưởng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 21/HĐHM/VCFC ngày 28/12/2009, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay: 10 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn hợp đồng: 12 tháng, thời hạn mỗi khoản vay không quá 4 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp, không có tài sản đảm bảo.
- (4) Huy động vốn từ cán bộ công nhân viên với thời gian tối thiểu là 3 tháng, lãi suất tính bình quân giữa lãi suất tiết kiệm và lãi suất tiền vay của Công ty theo thông báo của ngân hàng mà Công ty vay vốn.

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	254.752.686	4.939.564.425
Thuế Thu nhập cá nhân	34.894.225	25.720.000
	<u>289.646.911</u>	<u>4.965.284.425</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCXã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	255.521.937	278.129.078
Bảo hiểm xã hội	6.623.500	20.319.952
Bảo hiểm y tế	29.531.220	-
Phải trả, phải nộp khác	8.082.000	78.383.220
	<u>299.758.657</u>	<u>376.832.250</u>

12 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	17.659.903.948	19.301.606.148
- Vay ngân hàng	17.659.903.948	19.301.606.148
	<u>17.659.903.948</u>	<u>19.301.606.148</u>

Chi tiết vay dài hạn

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽¹⁾	17.659.903.948	19.301.606.148
	<u>17.659.903.948</u>	<u>19.301.606.148</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 02/2009/HĐTD-DH ngày 03/07/2009 và phục lục, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 24,5 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: xây dựng nhà xưởng sản xuất và đầu tư mua máy móc thiết bị, phụ tùng của dự án Nhà máy sản xuất dây hàn 6.000 tấn/năm;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu; nợ gốc trả theo lịch trả nợ trong hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: theo quy định của ngân hàng tại thời điểm rút vốn và được điều chỉnh 3 tháng một lần khi có thông báo thay đổi lãi suất của ngân hàng;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ vốn vay;
- + Số dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2010 là 21.979.903.948 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 4.320.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCXã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	42.499.010.000	27.422.700.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	27.422.700.000	21.390.300.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	15.076.310.000	6.032.400.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	42.499.010.000	27.422.700.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.559.529.604	11.031.295.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	11.559.529.604	1.433.350.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	9.597.945.000

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 26/03/2010, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận của năm 2009 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	23.346.986.366
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	3,85%	900.000.000
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	2,57%	600.000.000
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (đã tạm ứng năm 2009)	41,11%	9.597.945.000
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (thực hiện trong năm 2010)	49,51%	11.559.529.604
Lợi nhuận chưa phân phối	2,95%	689.511.762

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.249.901	2.742.270
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.249.901	2.742.270
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.249.901	2.742.270
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.249.901	2.742.270
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.249.901	2.742.270
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	2.149.000.396
Quỹ dự phòng tài chính	2.615.000.000	1.715.000.000
	2.615.000.000	3.864.000.396

14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	194.251.488.400	235.218.174.558
Doanh thu bán hàng hóa, doanh thu khác	1.148.724.385	-
	195.400.212.785	235.218.174.558

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCXã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

15 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.519.236.860	1.944.952.750
Giảm giá hàng bán	4.986.200	38.065.150
Hàng bán bị trả lại	356.150.100	348.378.381
	<u>1.880.373.160</u>	<u>2.331.396.281</u>

16 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	192.371.115.240	232.886.778.277
Doanh thu thuần về bán hàng hóa, doanh thu khác	1.148.724.385	-
	<u>193.519.839.625</u>	<u>232.886.778.277</u>

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	172.430.981.232	192.845.620.780
Giá vốn của hàng hóa, giá vốn khác	877.008.054	-
	<u>173.307.989.286</u>	<u>192.845.620.780</u>

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi	61.828.013	223.629.913
	<u>61.828.013</u>	<u>223.629.913</u>

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.498.813.985	1.206.960.104
	<u>4.498.813.985</u>	<u>1.206.960.104</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨCXã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	881.722.199	716.239.897
Chi phí nhân công	793.516.143	1.015.771.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.925.721	136.947.580
Chi phí khác bằng tiền	3.171.915.483	3.798.797.240
	5.012.079.546	5.667.756.024

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	187.000.078	309.782.081
Chi phí nhân công	2.093.042.580	2.679.280.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	260.074.756	193.499.639
Thuế, phí, lệ phí	87.172.000	87.172.000
Chi phí khác bằng tiền	2.051.558.306	1.900.877.060
	4.678.847.720	5.170.611.616

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.258.797.096	28.299.377.413
Tổng lợi nhuận chịu thuế	6.258.797.096	28.299.377.413
Tổng lợi nhuận tính thuế	6.258.797.096	28.299.377.413
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.564.699.274	7.074.844.353
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(2.122.453.306)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.564.699.274	4.952.391.047

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.694.097.822	23.346.986.366
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.694.097.822	23.346.986.366
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.124.772	2.439.737
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.138	9.569

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất que hàn và dây hàn, chiếm hơn 90% trong toàn bộ hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi chế độ kế toán hiện hành, từ ngày 01/01/2010 số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u> VND	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u> VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	66.412.883.721	66.313.572.258
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	99.311.463	-
Vốn chủ sở hữu	400	42.949.100.568	43.048.412.031

Hoàng Xuân Thành

Kế toán trưởng

Ngô Bá Việt

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	8.974.113.447	27.918.926.702	3.929.011.682	383.499.525	-	41.205.551.356
Số tăng trong năm	18.129.937.094	26.014.839.198	255.500.000	41.000.000	-	44.441.276.292
- Mua sắm mới	-	-	255.500.000	41.000.000	-	296.500.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	18.129.937.094	26.014.839.198	-	-	-	44.144.776.292
Số giảm trong năm	-	-	(109.758.000)	-	-	(109.758.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(109.758.000)	-	-	(109.758.000)
Số dư cuối năm	27.104.050.541	53.933.765.900	4.074.753.682	424.499.525	-	85.537.069.648
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	7.777.394.157	22.014.524.947	1.788.567.213	373.711.232	-	31.954.197.549
Số tăng trong năm	938.053.078	4.548.787.087	403.827.148	7.858.333	-	5.898.525.646
- Trích khấu hao	938.053.078	4.548.787.087	403.827.148	7.858.333	-	5.898.525.646
Số giảm trong năm	-	-	(109.758.000)	-	-	(109.758.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(109.758.000)	-	-	(109.758.000)
Số dư cuối năm	8.715.447.235	26.563.312.034	2.082.636.361	381.569.565	-	37.742.965.195
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu năm	1.196.719.290	5.904.401.755	2.140.444.469	9.788.293	-	9.251.353.807
Cuối năm	18.388.603.306	27.370.453.866	1.992.117.321	42.929.960	-	47.794.104.453

CÔNG TY CỔ PHẦN QUE HÀN ĐIỆN VIỆT ĐỨC

Xã Nhị Khê, Huyện Thường Tín,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	21.390.300.000	-	-	4.625.597.090	1.115.000.000	3.864.879.520	30.995.776.610
Tăng vốn trong năm trước	6.032.400.000	-	-	-	-	-	6.032.400.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	23.346.986.366	23.346.986.366
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.122.453.306	600.000.000	(3.022.453.307)	(300.000.001)
Trả cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	(1.433.350.000)	(1.433.350.000)
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(9.597.945.000)	(9.597.945.000)
Tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(4.599.050.000)	-	-	(4.599.050.000)
Chênh lệch tỷ giá năm trước	-	-	(1.495.717.407)	-	-	-	(1.495.717.407)
Số dư đầu năm nay	27.422.700.000	-	(1.495.717.407)	2.149.000.396	1.715.000.000	13.158.117.579	42.949.100.568
Tăng vốn trong năm nay (*)	15.076.310.000	683.890.000	-	-	-	-	15.760.200.000
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	4.694.097.822	4.694.097.822
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	900.000.000	(1.500.000.000)	(600.000.000)
Trả cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	(11.559.529.604)	(11.559.529.604)
Tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(2.149.000.396)	-	-	(2.149.000.396)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	-	1.495.717.407	-	-	-	1.495.717.407
Tăng khác	-	-	-	-	-	9.619.966	9.619.966
Số dư cuối năm nay	42.499.010.000	683.890.000	-	-	2.615.000.000	4.802.305.763	50.600.205.763

(*) Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển là 2.149.000.396 đồng, chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu là 11.559.529.604 đồng và chào bán cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên là 1.367.780.000 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Tập đoàn Hòa chất Việt Nam	8.226.770.000	19,36%	5.484.520.000	20,00%
Vốn góp của đối tượng khác	34.272.240.000	80,64%	21.938.180.000	80,00%
	42.499.010.000	100,00%	27.422.700.000	100,00%